

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HSST
Ngày: 28-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông – Trưởng phòng y tế huyện Mỏ Cày Nam
2. Ông Nguyễn Chí Thành – Hiệu trưởng trường THCS Hồ Hảo Hớn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Đông Hải – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST, ngày 24/11/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Đỗ Duy T, sinh ngày 20/7/2000 tại Bến Tre; Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: kinh; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con bà: Đỗ Thụy Uyên T1, sinh năm 1979 và ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Bô Lá - Công an Thành phố Hồ Chí Minh và hiện bị cáo được trích xuất tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mỏ Cày Nam để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T: Ông Hồ Tấn Phát – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

Người bị hại:

1/ Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt)

2/ Đỗ Trung K, sinh năm 1988; Nơi cư trú: ấp K, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1/ Nguyễn Đỗ Uyên T1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2/ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Đỗ Uyên T1, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2/ Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3/ Nguyễn Trung G, sinh ngày 22/10/2001; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt)

4/ Phạm Duy L, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Xin vắng mặt)

5/ Phan Thị M, sinh năm 1974(Xin vắng mặt); Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Trung G: Trần Thị H, sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng:

1/ Nguyễn Đăng, sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp K, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Nguyễn Hoàng Nhanh, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Quá trình thuê nhà trọ sinh sống tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, do cần tiền tiêu xài Nguyễn Đỗ Duy T, sinh ngày 20/7/2000 rủ Nguyễn Trung G, sinh ngày 22/10/2001 đi tìm tài sản lấy trộm, thì được G đồng ý. Sau đó T và G mượn xe mô tô biển kiểm soát 71B2-663.29 của Phạm Duy L, sinh năm 1998 (bạn chung phòng trọ) làm phương tiện thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Mỏ Cày Nam, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiều ngày 10/10/2016, Nguyễn Đỗ Duy T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B2-663.29 chở Nguyễn Trung G từ thành phố Hồ Chí Minh về huyện Mỏ Cày Nam tìm xe để lấy trộm. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T và G quan sát phát hiện xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen biển kiểm soát 71B2-002.01 của anh Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1994 dựng tại cơ sở chỉ sơ dừa của anh Ngô Đức T4 thuộc ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam, lợi dụng lúc mọi người đã

ngủ T và G lên vào lấy cắp của anh T3 một điện thoại di động hiệu MASSTEL cùng xe mô tô biển kiểm soát 71B2-002.01. Sau khi chiếm đoạt được xe, trên đường tẩu thoát về thành phố Hồ Chí Minh khi mở yên xe mô tô biển kiểm soát 71B2-002.01 T và G phát hiện bên trong cốp xe có một bộ quần áo nam và một bóp da bên trong có số tiền 500.000 đồng nên T lấy tiền cất giữ, trên đường đi vứt bỏ bộ quần áo và bóp da ven đường (hiện không thu hồi được). Sau khi về đến thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 12/10/2016 thông qua người bạn tên B (không rõ nhân thân lai lịch) T và G đem xe trộm được bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 5.000.000 đồng. Số tiền bán xe có được T cho B 1.000.000 đồng, đưa cho Nguyễn Hoàng N (ở cùng phòng trọ) để trả tiền nhà trọ 1.800.000 đồng, đưa cho mẹ ruột tên Đỗ Thụy Uyên T1 số tiền 2.000.000 đồng để chuộc điện thoại di động mà T cầm trước đó, số còn lại tiêu xài cá nhân hết, riêng điện thoại trộm được G sử dụng bị hư hỏng thất lạc không thu hồi được.

Căn cứ hồ sơ định giá số 89/QĐ-HĐĐG ngày 01/11/2016 Hội đồng định giá T3 sản huyện Mỏ Cày Nam kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 71B2-002.01 nhãn hiệu YAMAHA loại SIRIUS màu sơn đỏ đen giá trị 13.000.000 đồng, một quần dài Jean nam màu xanh giá trị 100.000 đồng, một áo sơ mi nam ngắn tay màu trắng giá trị 50.000 đồng, một bóp da nam màu nâu giá trị 20.000 đồng, một điện thoại di động hiệu MASSTEL màu vàng đồng giá trị 400.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bị hại T3 là 13.570.000 đồng cùng 500.000 đồng tiền mặt.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 12/10/2016 sau khi bán xe trộm được Nguyễn Đỗ Duy T mượn xe mô tô biển kiểm soát 71B2-663.29 của Phạm Duy L chở Nguyễn Trung G từ thành phố Hồ Chí Minh về nhà T ở ấp V, xã T, huyện M đưa cho mẹ ruột Đỗ Thụy Uyên T1 2.000.000 đồng để chuộc điện thoại cho T. Sau đó T và G bàn với nhau tiếp tục tìm xe để lấy trộm. Đến khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày khi đến khu vực ấp K, xã A, huyện M T và G quan sát phát hiện một xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 71B1-694.62 của anh Đỗ Trung K, sinh năm 1988 dựng hàng ba nhà, không người trông coi nên cả hai cùng đi vào lấy trộm dẫn xe ra lộ, trong lúc T dùng công cụ phá khóa xe thì bị anh Nguyễn Đ, sinh năm 1981 phát hiện bắt giữ G cùng tang vật, riêng T tẩu thoát về thành phố Hồ Chí Minh; đến ngày 13/10/2016 T đến Công an huyện Mỏ Cày Nam đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Xe mô tô hiệu YAMAHA loại SIRIUS đỏ đen biển kiểm soát 71B2-663.29; xe mô tô WAVE hiệu HONDA biển số 71B1-694.62; công cụ phá khóa (gồm: một thanh kim loại màu xám dài 6,5cm, một đầu lục giác, một đầu mài dẹp; một thanh kim loại màu trắng bạc dài 6 cm, một đầu dẹp, một đầu lục giác ký hiệu 8mm STRADARD; một thanh kim loại màu trắng bạc hình trụ dài 12,5cm có đường kính 0,8cm ở giữa có gắn một khóa để tra đầu lục giác dài

4,2cm đường kính 1cm); một thẻ nhớ 4GB chứa 02 đoạn video và số tiền 14.070.000 đồng do Đỗ Thụy Uyên T1 giao nộp.

Căn cứ vào hồ sơ định giá T3 sản số 85/QĐ-HĐĐG ngày 21/10/2016 của Hội đồng định giá huyện Mỏ Cày Nam kết luận: xe mô tô 71B1-694.62 nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu sơn đỏ đen xám giá trị 10.000.000 đồng

Tại bản cáo trạng số 31/KSĐT-KT ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 69; Điều 74 BLHS đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 585, 586, 589 BLTTDS 2015 đề nghị Tòa án ghi nhận việc bị cáo T tác động gia đình thỏa thuận khắc phục xong hậu quả thay bị cáo theo yêu cầu của bị hại Nguyễn Hữu T3 với số tiền 14.070.000 đồng; riêng bị hại Đỗ Trung K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị M đã nhận lại T3 sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- **Về xử lý vật chứng:** Đề nghị áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS đề nghị Tòa án ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Mỏ Cày Nam đã trao trả cho bị hại Đỗ Trung K xe mô tô biển kiểm soát 71B1-694.62; trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị M một xe mô tô biển kiểm soát 71B2-663.29 do không liên quan đến hoạt động phạm tội. Đối với bộ dụng cụ phá khóa xe có đặc điểm theo biên bản tạm giữ là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Riêng thẻ nhớ 4GB chứa 02 đoạn video tiếp tục chuyển theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T khai nhận có thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Đỗ Uyên T1 và anh Nguyễn Văn T2 trình bày: Đối với số tiền 14.070.000 đồng mà anh chị đã bồi thường xong cho bị hại Nguyễn Hữu T3 anh chị không có yêu cầu gì, nhưng anh chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T trình bày: Ông thống nhất với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ

luật hình sự cho bị cáo để bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất mà Vị đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và các T3 liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T3 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong hai ngày 10 và 12/10/2016 Nguyễn Đỗ Duy T cùng đồng bọn đã thực hiện 02 vụ lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 24.070.000 đồng. Trong đó, ngày 10/10/2016 tại ấp Hội An, xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Hữu T3 một xe mô tô 71B2-002.01, một điện thoại di động, 500.000 đồng tiền mặt, một bộ đồ nam, một bóp da với tổng giá trị 14.070.000 đồng; ngày 12/10/2016 tại ấp K, xã A, huyện M chiếm đoạt của bị hại Đỗ Trung K một xe mô tô 71B1-694.62 giá trị 10.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm*”. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với anh Nguyễn Trung G, sinh ngày 22/10/2001 mặc dù có thỏa thuận cùng bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp T3 sản và là người giúp sức tích cực cho bị cáo T. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội anh G chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Do đó, không cần áp dụng chế định về đồng phạm theo quy định tại điều 20, 53 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T.

Đối với hành vi của Phạm Duy L do ngay tình không biết T, G mượn xe để làm phương tiện đi trộm do đó không có lỗi nên không đồng phạm tội.

Đối với hành vi của Nguyễn Hoàng N biết số tiền 1.800.000 đồng là do bị cáo T đưa cho anh để đóng tiền nhà trọ cho bị cáo và anh G là do bị cáo bán xe mà bị cáo đã trộm mới có được nhưng anh N vẫn đồng ý nhận và không báo cáo chính quyền địa phương. Tuy nhiên, hành vi của N không đủ yếu tố cấu thành tội không tố giác tội phạm theo quy định tại Điều 313 và Điều 314 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù bị cáo là người chưa thành niên nhưng đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe lao động tạo thu nhập trong cuộc sống nhưng bị cáo tụ tập với bạn bè xấu, ham muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không lao động nên là nguyên nhân dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ của tội phạm đã thực hiện, có xét đến tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhưng đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo thực hiện liên tục hai hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trong khoảng thời gian độc lập, cả hai lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên được xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình khắc phục xong hậu quả cho người bị hại; phạm tội chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; sau phạm tội mặc dù đã tẩu thoát nhưng được sự tác động của gia đình bị cáo đã đến Công an huyện Mộ Cày Nam đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện Mộ Cày Nam vào ngày 10/10/2016 và ngày 12/10/2016, trong quá trình cũng cố hồ sơ xử lý vào ngày 24/5/2017 bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Công an quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam, đến ngày 23/8/2017 bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo một mức án trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định, áp dụng hình thức xử phạt tù có thời hạn cách ly sự hoạt động bình thường của bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục thuyết phục, giúp bị cáo có điều kiện học tập cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này, biết tôn trọng pháp luật, tài sản của người khác và các quy tắc chuẩn mực của đời sống xã hội, đồng thời cũng tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên cần áp dụng Điều 69, 74 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo chỉ bằng $\frac{3}{4}$ mức hình phạt mà người thành niên phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 582, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận việc anh Đỗ Trung K, chị Phan Thị M đã nhận lại tài sản, anh Nguyễn Hữu T3 nhận số tiền bồi thường thiệt hại; chị M, anh K và anh T3 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam trả lại cho chị Phan Thị M 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-66329; trao trả cho anh Đỗ Trung K 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1-694.62; giao cho anh Nguyễn Hữu T3 14.070.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu xám dài 6,5cm, một đầu lục giác, một đầu mài đẹp; 01 thanh kim loại màu trắng bạc dài 6cm, một đầu đẹp, một đầu lục giác ký hiệu 8mm STRADARD; 01 thanh kim loại màu trắng bạc hình trụ dài 12,5cm, có đường kính 0,8cm ở giữa có gắn một chìa khóa để tả đầu lục giác dài 4,2cm, đường kính 1cm đây là các công cụ mà bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Riêng 02 đoạn video lưu trong thẻ nhớ 4GB chuyển theo hồ sơ vụ án.

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát

Về trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay trên địa bàn huyện Mỏ Cày Nam và các vùng lân cận, tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản diễn ra phức tạp, gây mất trật tự trị an tại địa phương, tạo tâm lý bất bình đối với nhân dân và dư luận xã hội kịch liệt lên án. Nhằm phục vụ trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung nhưng cũng xét tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm nên cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo, nhằm để răn đe, giáo dục người khác có ý định thực hiện việc phạm tội. Đối với mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Đối với luận cứ của vị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy

rằng: mặc dù bị cáo T là phạm tội lần đầu nhưng xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Do đó, không đủ điều kiện để áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm h Điều 46 Bộ luật hình sự.

[7] Về tổng hợp hình phạt:

Hiện nay bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam Bồ Lát – Công an thành phố Hồ Chí Minh với mức hình phạt là 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 142/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo và quyết định hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T phạm tội “*Trộm cắp T3 sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều , điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T 09 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 và khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung 02 bản án là 01 năm 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2017

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 582, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận việc anh Đỗ Trung K, chị Phan Thị M đã nhận lại T3 sản, anh Nguyễn Hữu T3 nhận số tiền bồi thường thiệt hại; chị M, anh K và anh T3 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam trả lại cho chị Phan Thị M 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-66329; trao trả cho anh Đỗ Trung K 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1-694.62; giao cho anh Nguyễn Hữu T3 14.070.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu xám dài 6,5cm, một đầu lục giác, một đầu mài đẹp; 01 thanh kim loại màu trắng bạc dài 6cm, một đầu đẹp, một đầu lục giác ký hiệu 8mm STRADARD; 01 thanh kim loại màu trắng bạc hình trụ dài 12,5cm, có đường kính 0,8cm ở giữa có gắn một chìa khóa để tả đầu lục giác dài 4,2cm, đường kính 1cm đây là các công cụ mà bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Riêng 02 đoạn video lưu trong thẻ nhớ 4GB chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Đỗ Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- CA huyện Mô Cày Nam (3b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (9b);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

